

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 336/2017/HSPT

Ngày: 15/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Thẩm phán: Ông Tô Phú Đông

Ông Ngô Tấn Lợi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em – Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông
Đỗ Thành Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét
xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 292/2017/HSPT ngày 20 tháng 10 năm 2017
đối với bị cáo Võ Ngọc T, Trần Thị K, Lê Văn T1.

Do có kháng cáo của các bị cáo Võ Ngọc T, Trần Thị K, Lê Văn T1 đối
với bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2017/HSST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của
Tòa án nhân dân TP. S.

Bị cáo có kháng cáo:

1. VÕ NGỌC T

- Tên gọi khác: T2;
- Sinh năm 1994;
- HKTT: A, ấp T3, xã T4, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;
- Chỗ ở: D, khóm H, Phường D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;
- Nghề nghiệp: Làm thuê;
- Trình độ văn hóa: 10/12;
- Con ông: Võ Ngọc M, sinh năm 1972 và bà Võ Thị L, sinh năm 1973;
- Vợ, con: Chưa;
- Anh, chị, em: có 01 người tên Võ Ngọc T5, sinh năm 1997;

- Tiền sự, tiền án: Không;
- Bắt tạm giam: Ngày 25/5/2017;
- Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (Có mặt tại phiên tòa).

2. TRẦN THỊ K

- Sinh năm 1986;
- HKTT: Số E đường Đ, Phường F, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chỗ ở: B, khóm H, Phường D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;
- Nghề nghiệp: Làm thuê;
- Trình độ văn hóa: 12/12;
- Con ông Trần Văn B2, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Minh T6, sinh năm 1967;
- Chồng: Nguyễn Khắc T7, sinh năm 1978 (đã ly hôn năm 2011);
- Con: có 02 con cùng sinh năm 2008, sống với anh Nguyễn Khắc T7;
- Anh, chị, em: có 02 người, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1993;
- Tiền sự, tiền án: Không;
- Bắt tạm giam: Ngày 25/5/2017;
- Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (Có mặt tại phiên tòa).

3. LÊ VĂN T1

- Sinh năm 1992;
- HKTT: Số K1, ấp P, xã T4, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;
- Chỗ ở: Số J lô C, khóm H, Phường D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;
- Nghề nghiệp: Không;
- Trình độ văn hóa: 11/12;
- Con ông: Lê Thanh T8, sinh năm 1966 và bà Lê Thị N, sinh năm 1967;
- Vợ, con: Chưa;
- Anh, chị, em: có 01 người tên Lê Thị Mỹ L1, sinh năm 1991;
- Tiền sự, tiền án: Không;
- Tạm giữ: Ngày 20/4/2017;

- Tạm giam: Ngày 29/4/2017;

- Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (Có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Võ Ngọc T: Luật sư Hồ Thị X, Văn phòng luật sư X1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị K: Luật sư Nguyễn H1, Văn phòng luật sư H2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, trong vụ án Viện kiểm sát không kháng nghị.

NHẬN THẤY:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/3/2017 Trần Thị K và Võ Ngọc T thuê hộ số B, khóm H, Phường D, thành phố S mục đích để ở, với giá 1.000.000 đồng/tháng, có đăng ký tạm trú tại Công an Phường D, thành phố S.

Đến ngày 21/3/2017, Lê Văn T1, Trần Thị G, Phạm Minh T9 đến hộ số B gặp T, tại đây T1 mua ma túy về cùng sử dụng chung. Từ ngày 22/3/2017 đến ngày 18/4/2017 thì mỗi ngày từ 01 đến 02 lần Lê Văn T1, Đỗ Quốc C1, Lê Hiền H3, Phạm Minh T9, Trần Thị G, Võ Ngọc T, Trần Thị K luân phiên nhau tụ tập tại hộ số B để sử dụng ma túy. Nguồn ma túy do T1 mua của Đ1 (không rõ họ tên, địa chỉ) nhà ở Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh 02 lần với số tiền 1.600.000 đồng và 1.800.000 đồng, sau đó T1 mua của H4 (không rõ họ tên, địa chỉ) ở Vĩnh Long 03 lần, mỗi lần từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng. Đến ngày 14/4/2017, T1 liên hệ qua mạng xã hội Zalo đặt mua ma túy của H4 gồm 04 bịch nylon hàn kín với giá 4.500.000 đồng rồi cất giấu trong phòng của hộ số B để sử dụng dần.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 19/4/2017, Công an thành phố S kiểm tra hộ số B phát hiện bắt quả tang có 07 người đang sử dụng ma túy gồm: Lê Văn T1, Trần Thị K, Võ Ngọc T, Đỗ Quốc C1, Lê Hiền H3, Phạm Minh T9 và Trần Thị G, đồng thời thu giữ các vật chứng gồm: 04 bịch nylon màu trắng, bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng được cất giấu trong phòng; 03 bình tự chế; 02 nỏ thủy tinh; 05 que gas; 04 cây kéo; 01 cuộn băng keo. Ngoài ra còn thu giữ của: Trần Thị K: 01 máy tính bảng TAB 8 có bao da màu xanh và số tiền 7.000.000 đồng; Võ Ngọc T: 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen; Lê Văn T1: 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng và số tiền 1.500.000 đồng; Đỗ Quốc C1: 01 máy tính bảng hiệu HUAWEI màu trắng; Lê Hiền H3: 01 điện

thoại di động hiệu OPPO F1S màu trắng và số tiền 18.000.000 đồng; Phạm Minh T9: 01 điện thoại di động hiệu ASUS màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Masstell màu xanh; Trần Thị G: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S màu trắng và 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu đỏ đen.

Tại bản kết luận giám định số 269/KL-KTHS ngày 23/4/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: “Tinh thể rắn có tổng khối lượng 5,513 gam chứa trong 04 bịch nylon hàn kín (01 bịch lớn và 03 bịch nhỏ) được niêm phong trong hộp thuốc lá hiệu JET nêu trên gửi đến giám định đều có Methamphetamine”.

Đối với T biết T1 và những người nêu trên đến hộ số B sử dụng ma túy, T không ngăn cản mà đồng ý cho những người nêu trên sử dụng ma túy và cùng sử dụng ma túy chung, mặt khác khi T1 đi vắng thì T lấy ma túy và dụng cụ cho những người nêu trên sử dụng ma túy. Từ ngày 22/3/2017 đến ngày 18/4/2017 bị bắt thì những người trên sử dụng ma túy tại hộ số B khoảng trên 20 lần thì T không sử dụng ma túy chung khoảng 08 lần do bị mệt.

Đối với K biết T, T1 và những người nêu trên đến hộ B sử dụng ma túy nhưng không ngăn cản mà đồng ý và cùng sử dụng ma túy chung. Từ ngày 22/3/2017 đến ngày 18/4/2017 bị bắt thì K chứng kiến 08 lần những người trên sử dụng ma túy tại hộ số B trong đó K không sử dụng ma túy chung 04 lần.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2017/HSST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân TP S đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Ngọc T, Trần Thị K phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, bị cáo Lê Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm b, d Khoản 2 Điều 198, Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Võ Ngọc T mức án 09 năm tù (*Chín năm tù*). Thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị K mức án 08 năm tù (*Tám năm tù*). Thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194, Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T1 mức án 05 năm tù (*Năm năm tù*). Thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2017.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn buộc nộp thu lợi bất chính, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, các bị cáo Võ Ngọc T, Trần Thị K, Lê Văn T1 cùng có đơn kháng cáo với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp, đề nghị: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Thị K, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Võ Ngọc T, Lê Văn T1, sửa quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo T, T1 và giảm cho các bị cáo một phần về hình phạt.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Ngọc T: Cho rằng bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2017/HSST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân TP S đã áp dụng điểm b, d Khoản 2 Điều 198, Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật Hình sự xử bị cáo T 09 năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” là đúng quy định pháp luật, nhưng mức án quá nặng. Bản án sơ thẩm chưa xem xét ông ngoại bị cáo là người có công Cách Mạng và bị cáo T không biết ma túy của bị cáo T1 tàng trữ cất giấu ở đâu. Môi quan hệ giữ bị cáo T và bị cáo K là do K trả tiền thuê nhà, T không có chủ động. Nhưng án sơ thẩm lại xử bị cáo T mức hình phạt cao hơn bị cáo K là chưa phù hợp. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo T.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thị K cho rằng bị cáo phạm tội không có tính chất chuyên nghiệp mà do bị cáo buông lỏng việc quản lý nhà thuê. Sau khi ly hôn bị cáo buồn chuyện gia đình nên sử dụng ma túy và chỉ tham gia sử dụng 4 lần, bị cáo nhất thời phạm tội, ăn năn hối cải thành khẩn khai báo. Bị cáo mặc nhiên cho các bị cáo sử dụng ma túy đá tại nhà, nhưng không thu lợi bất chính. Nhân thân bị cáo phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có ông nội là liệt sĩ. Án sơ thẩm có nhận định nhưng chưa xem xét thấu tình đạt lý các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo không có tình tiết mới nên không xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là còn phiến diện.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến bào chữa Luật sư, lời khai bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 19/4/2017, Công an thành phố S kiểm tra căn hộ số B là chỗ ở của bị cáo Võ Ngọc T và Trần Thị K thuê trọ (có đăng ký tạm

trú). Cơ quan công an bắt quả tang bị cáo Lê Văn T1, Trần Thị K, Võ Ngọc T và Đỗ Quốc C1, Lê Hiền H3, Phạm Minh T9, Trần Thị G đang sử dụng ma túy đá. Thu giữ 04 bìch nylon màu trắng, bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng được cất giấu trong phòng; 03 bình tự chế; 02 nỏ thủy tinh; 05 quạt gas; 04 cây kéo; 01 cuộn băng keo... Theo kết luận giám định thì tinh thể rắn chứa trong 04 bìch nylon có tổng khối lượng 5,513 gam đều có chất Methamphetamine”. Bị cáo T1 thừa nhận bị cáo là người đi mua ma túy đá ở TP Hồ Chí Minh, Vĩnh Long và liên hệ qua mạng xã hội Zalo mua về nhiều lần, số tiền rất lớn để cho bị cáo các đối tượng trên sử dụng tại phòng trọ bị cáo T, K. Bị cáo T1 khai tiền mà bị cáo mua ma túy để sử dụng chung là do bị cáo làm công việc đi thu tiền góp cho bị cáo K và lấy tiền lời để mua ma túy sử dụng. Hành vi của bị cáo án sơ thẩm xử bị cáo Lê Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Xét thấy án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và áp dụng nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Nhưng xét thấy so sánh Bộ luật hình sự năm 2015 thì án sơ thẩm chưa giảm hình phạt cho bị cáo và ngày 26/9/2017 bị cáo nộp 6.000.000đ tiền phạt bổ sung và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 002312 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP S. Do đó, cần xem xét giảm cho bị cáo một phần về hình phạt là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Võ Ngọc T là thanh niên mới trưởng thành, bị cáo quen bị cáo K thông qua bị cáo T1, vì T1 quen với G (em bị cáo K) cũng là các đối tượng sử dụng ma túy chung. Bị cáo K thuê nhà trọ cho bị cáo T sống chung và cả hai có đăng ký tạm trú. Còn bị cáo K là người có chồng và đã có 2 con. Nhưng bị cáo không tìm công việc phù hợp để phụ chồng nuôi con. Bị cáo là phụ nữ lại sử dụng ma túy đá và thuê phòng trọ cùng bị cáo T sống chung nhà số B, khóm H, Phường D, TP S. Các bị cáo lại sử dụng chỗ ở của mình nhiều lần chứa chấp để cho các bị cáo, Lê Văn T1 và Đỗ Quốc C1, Lê Hiền H3, Phạm Minh T9, Trần Thị G sử dụng ma túy đá nhiều lần. Công an thu giữ 04 bìch nylon có khối lượng 5,513 gam đều có chất Methamphetamine” và các dụng cụ sử dụng ma túy.

Các bị cáo T, K, T1 là đối tượng sử dụng ma túy nhưng lại không đi cai nghiện. Vì các bị cáo cũng nhận biết được ma túy không có tác dụng có ích cho con người khi sử dụng nó. Do đó, Nhà Nước ta đã có chủ trương nghiêm cấm chứa chấp, tổ chức sử dụng ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy và mua bán trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào. Mục đích Nhà nước nghiêm cấm là để bảo đảm sức khỏe cho con người. Vì việc sử dụng ma túy là một tệ nạn xã hội, là nguyên nhân phát sinh căn bệnh hiểm nghèo và dẫn đến tội phạm khác. Nhưng

bị cáo K lại thuê nhà trọ cùng bị cáo T sinh sống sử dụng ma túy và để chứa chấp nhiều người sử dụng ma túy nhiều lần tại phòng trọ của các bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo K lớn tuổi hơn bị cáo T nhưng không khuyên bị cáo T, T1 từ bỏ ma túy, mà lại cùng sử dụng ma túy. Các bị cáo chứa chấp nhiều người sử dụng tại phòng ở các bị cáo, chuẩn bị dụng cụ và chứa rất nhiều lần. Hành vi chứa chấp người sử dụng ma túy là gieo dắt cho nhiều gia đình có người sử dụng ma túy rất đau khổ và sinh ra nhiều loại tội phạm khác. Do đó, xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo cần có mức hình phạt nghiêm khắc, để có thời gian cải tạo giáo dục các bị cáo từ bỏ ma túy để trở thành công dân tốt.

Án sơ thẩm xử các bị cáo T, K về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, d khoản 2 Điều 198 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đồng ý về tội danh mà án sơ thẩm xử, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy mức hình phạt mà án sơ thẩm xử bị cáo K là phù hợp vì bị cáo đã phạm vào 2 tình tiết định khung nên mức án cấp sơ thẩm xử là không nặng. Ngoài ra tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo K và luật sư bào chữa cho các bị cáo K cũng không xuất trình tình tiết mới ngoài các tình tiết mà án sơ thẩm đã xem xét. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo K, giữ y quyết định án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Riêng bị cáo T và luật sư bào chữa cho bị cáo xuất trình ông Ngoại bị cáo có công Cách Mạng và án sơ thẩm chưa xem xét bị cáo K là người trả tiền thuê phòng. Nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo T một phần hình phạt, là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do kháng cáo của bị cáo T, T1 được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị cáo K không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Võ Ngọc T, Lê Văn T1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Thị K. Sửa quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo T, T1, giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với bị cáo K.

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Ngọc T, Trần Thị K cùng phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, bị cáo Lê Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm b, d Khoản 2 Điều 198, Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Ngọc T 08 (Tám) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị K 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194, Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T1 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2017.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo Trần Thị K phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Võ Ngọc T, Lê Văn T1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND TP. S;
- Chi cục THADS TP. S;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
(06 bản, giao mỗi bị cáo 01 bản)
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (T. Em).

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai

